

Số: 1116/QĐ-UBND

Na Sang, ngày 29 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai số liệu dự toán ngân sách
năm 2026 của UBND xã Na Sang

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NA SANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;
Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2025;
Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính
hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;
Căn cứ Quyết định số 2828/QĐ-UBND ngày 12/12/2025 của UBND tỉnh về
việc giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2026;
Căn cứ Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 19/12/2025 của HĐND xã Na
Sang về việc dự toán và phân bổ ngân sách địa phương năm 2026;
Xét đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế xã.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2026 của UBND xã Na Sang theo đúng quy định hiện hành.

(có các biểu chi tiết kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND; Trưởng phòng Kinh tế xã và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- TT. Đảng ủy;
- TT. HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Trưởng phòng Giao dịch số 1 - KBNN Khu vực X;
- Công thông tin điện tử xã;
- Như điều 3;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Hồng Quân

CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

(Kèm theo Quyết định số 1116/QĐ-UBND ngày 29/12/2025 của UBND xã Na Sang)

Đơn vị: đồng

NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
TỔNG SỐ THU	266.812.000.000	TỔNG SỐ CHI	266.812.000.000
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	17.527.000.000	I. Chi cân đối ngân sách	266.301.000.000
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	728.000.000	1. Chi đầu tư phát triển	728.000.000
III. Thu bổ sung	248.557.000.000	2. Chi thường Xuyên trong đó	260.247.000.000
- Bổ sung cân đối	248.046.000.000	2.1. Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	191.351.000.000
- Bổ sung có mục tiêu	511.000.000	2.2. Chi khoa học và công nghệ	2.516.000.000
IV. Thu chuyển nguồn	0	2.3. Chi quốc phòng	2.115.000.000
		2.4. Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	1.624.000.000
		2.5. Chi văn hóa thông tin	2.018.000.000
		2.6. Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	
		2.7. Chi thể dục thể thao	100.000.000
		2.8. Chi bảo vệ môi trường	3.224.000.000
		2.9. Chi các hoạt động kinh tế	2.342.000.000
		2.10. Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	30.539.000.000
		2.11. Chi bảo đảm xã hội	12.569.000.000
		2.12. Chi thường xuyên khác	11.849.000.000
		3. Dự phòng ngân sách	5.326.000.000
		II. Chương trình mục tiêu (Kinh phí sự nghiệp)	511.000.000
		Chính sách ưu đãi với người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ trên địa bàn	511.000.000

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

(Kèm theo Quyết định số 1116/QĐ-UBND ngày 29/12/2025 của UBND xã Na Sang)

Đơn vị: đồng

S TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2026	
		THU NSNN	THU NSX
A	B	3	4
	TỔNG THU	269.057.000.000	266.812.000.000
I	Thu ngân sách trên địa bàn	20.500.000.000	18.255.000.000
I.1	Các khoản thu hưởng 100%	16.080.000.000	16.080.000.000
1	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	0	0
	Thuế thu nhập doanh nghiệp		0
2	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	10.000.000.000	10.000.000.000
	Thuế giá trị gia tăng	2.500.000.000	2.500.000.000
	Thuế thu nhập doanh nghiệp		0
	Thuế tài nguyên	7.500.000.000	7.500.000.000
3	Thuế thu nhập cá nhân	1.050.000.000	1.050.000.000
4	Lệ phí trước bạ	5.000.000.000	5.000.000.000
5	Phí, lệ phí		
6	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	30.000.000	30.000.000
7	Thu khác ngân sách		
I.2	Các khoản thu phân chia (tỉ lệ %)	4.420.000.000	2.175.000.000
1	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	0	0
	Thuế giá trị gia tăng		
2	Thuế thu nhập cá nhân		
3	Lệ phí trước bạ		
4	Phí, lệ phí	850.000.000	680.000.000
	- TW hưởng	170.000.000	
	- Địa phương	680.000.000	680.000.000
	Trong đó: + phí bảo vệ môi trường khai thác khoáng sản	100.000.000	100.000.000
5	Thu tiền sử dụng đất	1.070.000.000	728.000.000
	- TW hưởng (15%)	160.000.000	
	- Địa phương hưởng (85%)	910.000.000	728.000.000
	++ Tỉnh hưởng (20%)	182.000.000	
	++ Xã hưởng (80%)	728.000.000	728.000.000
6	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	1.590.000.000	617.000.000
	- Cơ quan trung ương cấp phép	1.390.000.000	417.000.000
	Trong đó: + Trung ương hưởng 70%	973.000.000	
	+ Địa phương hưởng 30%	417.000.000	417.000.000
	- Cơ quan Địa phương cấp phép	200.000.000	200.000.000

S TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2026	
		THU NSNN	THU NSX
A	B	3	4
7	Thu khác ngân sách	910.000.000	150.000.000
	- TW hưởng, Tỉnh hưởng	760.000.000	
	- Xã hưởng	150.000.000	150.000.000
III	Thu chuyển nguồn	0	0
	<i>Vốn chuyển nguồn năm 2024 chuyển sang năm 2025 khi sắp xếp chính quyền địa phương 2 cấp</i>		0
	<i>Vốn chuyển nguồn Chương trình MTQG khi sắp xếp chính quyền 02 cấp</i>		0
IV	Thu kết dư ngân sách năm trước		
V	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	248.557.000.000	248.557.000.000
	- Thu bổ sung cân đối	248.046.000.000	248.046.000.000
	- Thu bổ sung có mục tiêu	511.000.000	511.000.000

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

(Kèm theo Quyết định số 1116/QĐ-UBND ngày 29/12/2025 của UBND xã Na Sang)

Đơn vị: đồng

S TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2026		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN
A	B	1=2+3	2	3
	TỔNG CHI	266.812.000.000	728.000.000	266.084.000.000
	<i>Trong đó</i>			
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	191.351.000.000		191.351.000.000
2	Chi khoa học và công nghệ	2.516.000.000		2.516.000.000
3	Chi quốc phòng	2.115.000.000		2.115.000.000
4	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	1.624.000.000		1.624.000.000
5	Chi văn hóa thông tin	2.018.000.000		2.018.000.000
6	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	0		0
7	Chi thể dục thể thao	100.000.000		100.000.000
8	Chi bảo vệ môi trường	3.224.000.000		3.224.000.000
9	Chi các hoạt động kinh tế	2.342.000.000		2.342.000.000
10	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	30.539.000.000		30.539.000.000
11	Chi bảo đảm xã hội	12.569.000.000		12.569.000.000
12	Chi thường xuyên khác	12.577.000.000	728.000.000	11.849.000.000
13	Dự phòng ngân sách	5.326.000.000		5.326.000.000
14	Chi các chương trình MTDA	511.000.000		511.000.000

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2026
(Kèm theo Quyết định số 1116/QĐ-UBND ngày 29/12/2025 của UBND xã Na Sang)

Đơn vị: đồng

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2025	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2025	Dự toán năm 2026			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
								Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
TỔNG SỐ		450.000.000	0	450.000.000	0	728.000.000	0	728.000.000	0
Hỗ trợ nhà ở dự án 1 Chương trình MTQG vùng ĐBDTTS và MN		450.000.000	0	450.000.000	0		0		0
Xã Na Sang						728.000.000		728.000.000	

DỰ TOÁN CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 1116/QĐ-UBND ngày 29/12/2025 của UBND xã Na Sang)

Đơn vị: đồng

Tên công trình	Thời gian khởi công hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2024	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2024	Dự toán năm 2026			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
								Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
TỔNG SỐ		511.000.000	0	0	0	511.000.000	0	511.000.000	0
A. CÁC CHƯƠNG TRÌNH VỐN SỰ NGHIỆP		511.000.000	0	0	0	511.000.000	0	511.000.000	
Chính sách ưu đãi với người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ trên địa bàn		511.000.000				511.000.000		511.000.000	
B. CÁC CHƯƠNG TRÌNH VỐN XÂY DỰNG CƠ BẢN									

Ghi chú: (1) Theo phân cấp của tỉnh

KẾ HOẠCH THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 1116/QĐ-UBND ngày 29/12/2025 của UBND xã Na Sang)

Đơn vị: đồng

S T T	NỘI DUNG	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2025			KẾ HOẠCH NĂM 2026		
		(năm hiện hành)					
		THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)
	TỔNG SỐ	1.131.542.204	1.010.762.000	120.780.204	650.000.000	650.000.000	0
I	Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách	1.131.542.204	1.010.762.000	120.780.204	650.000.000	650.000.000	0
1	Quỹ khuyến học			-			-
2	Quỹ "Trợ giúp nhân đạo"			-			-
3	Quỹ Người cao tuổi			-			-
4	Quỹ đền ơn đáp nghĩa			-			-
5	Quỹ vì người nghèo	739.391.855	633.000.000	106.391.855	350.000.000	350.000.000	-
6	Bảo trợ trẻ em	392.150.349	377.762.000	14.388.349	300.000.000	300.000.000	-
7	Quỹ phòng chống thiên tai (ủng hộ cơn bão số 3)			-			-
8	Quỹ hội chữ thập đỏ			-			-
II	Các ủng hộ khác			-			

Ghi chú: Chênh lệch (+) thu lớn hơn chi

Chênh lệch (-) thu nhỏ hơn chi